TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2024/DS-PT
Ngày: 15 - 8 - 2024
V/v tranh chấp thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168A/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tường V, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 45, đường L, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bửu Thịnh Đ, sinh năm 1969 (có mặt) và ông Trần Bửu Thịnh K, sinh năm 1998 (vắng mặt); cùng địa chỉ: Số 57, đường N, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2023).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (gọi tắt là Công ty P); địa chỉ: Số 69, đường L, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng Anh D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 69, đường X, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty P). (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Tường V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2023 của nguyên đơn bà Trần Thị Tường V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Bửu Thịnh Đ trình bày:

Ngày 25 tháng 07 năm 2022, bà V có ký *"Thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán"* với Công ty P, thỏa thuận mang số: G10/TTHĐMB-TIP/2022. Mục đích thỏa thuận là đặt tiền đảm bảo để mua một nhà đất biệt thự song lập do Công ty P làm chủ đầu tư. Theo thỏa thuận thì sau khi ký kết bà V có trách nhiệm chuyển 20% của tổng giá trị hợp đồng 4.738.171.550 đồng là 947.634.310 đồng và bà V đã chuyển đủ số tiền là 947.634.310 đồng cho phía Công ty P.

Cũng theo thỏa thuận thì đến tháng 09/2022, bà V phải chuyển thêm 10% giá trị hợp đồng số tiền là 473.817.155 đồng. Nhưng Công ty P không triển khai dự án để đảm bảo có sản phẩm giao cho khách hàng và thông báo cho bà V về việc tạm ngừng thu tiền của bà V.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Hủy văn bản thỏa thuận về tiến độ và thực hiện hợp đồng mua bán số: G10/TTHĐMB-TTP/2022, ngày 25/7/2022. Buộc Công ty P trả lại cho bà Trần Thị Tường V số tiền đặt bảo đảm là 947.634.310 đồng. Buộc Công ty P trả cho bà Trần Thị Tường V số tiền phạt hợp đồng là 947.634.310 đồng. Buộc Công ty P trả lãi chậm trả trên số tiền 1.895.268.620 đồng tính từ ngày 30 tháng 09 năm 2023 đến ngày khởi kiện, với lãi suất 1,5%/tháng, tạm tính là 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Buộc Công ty P trả lãi chậm trả trên số tiền 1.895.268.620 đồng tính từ ngày 30 tháng 09 năm 2023 đến ngày 24 tháng 5 năm 2024, với lãi suất 10,0%/năm, thành tiền là 123.192.460 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn Công ty P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 423, 424, 425, 427 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Hủy văn bản thỏa thuận về tiến độ và thực hiện hợp đồng mua bán số: G10/TTHĐMB-TTP/2022, ngày 25/7/2022 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn P với bà Trần Thị Tường V.

- Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tường V số tiền tổng cộng là 1.137.161.172 đồng (trong đó, số tiền đã nhận là 947.634.310 đồng và số tiền phạt vi phạm là 189.526.862 đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tường V tổng cộng số tiền 881.299.908 đồng (trong đó, số tiền phạt vi phạm là 758.107.448 đồng và tiền lãi chậm trả là 123.192.460 đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2024, nguyên đơn bà V có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nhận ngày 03/6/2024. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn Công ty P trả thêm số tiền 881.299.908 đồng (bao gồm tiền phạt vi phạm hợp đồng là 758.107.448 đồng và tiền lãi chậm trả là 123.192.460 đồng), theo đó tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng lần đầu bà V trả số tiền 947.634.310 đồng, lần 2 là vào tháng 9/2022, bà V đến Công ty P gặp ông D thì ông D tuyên bố dự án gặp trục trặc, nên ngưng không thu tiền nữa và tại đoạn ghi âm thứ 2 ngày 20/6/2023, liên hệ qua điện thoại ông D hẹn 10 tây tháng 7/ 2023 sẽ trả gốc, lãi và tiền phạt cho bà V. Thời hạn ký kết hợp đồng mua bán là ngày 30/9/2023, nhưng không ký kết hợp đồng mua bán được, nên yêu cầu tính lãi từ ngày 30/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Khi ký kết văn bản thỏa thuận bà V không bị ai ép buộc, nhưng bà V không phát hiện nội dung không có lợi như quy định tại mục 5.3 Điều 5 văn bản thỏa thuận, quy định mập mờ gây nhầm lẫn, cần phải giải thích. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V. Đến thời điểm mở phiên tòa, các đương sự không có sự thỏa thuận nào về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với tiền

phạt vi phạm hợp đồng và chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với tiền lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Trần Thị Tường V vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp là ông Trần Bửu Thịnh Đ tham gia phiên tòa; còn ông Trần Bửu Thịnh K và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Đăng Anh D vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà V là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà V về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng là 758.107.448 đồng. Xét thấy:

[3.1] Theo quy định tại mục 5.2 Điều 5 của văn bản Thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán quy định: *"Khi bên B (bà Trần Thị Tường V) vi phạm thỏa thuận như điều 4.2, bên B đồng ý để bên A (Công ty P) xử lý tiền đảm bảo bằng việc bên B sẽ chịu phạt 20% giá trị sản phẩm…"*.

[3.2] Theo quy định tại mục 5.3 Điều 5 của văn bản Thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán quy định: *"Trường hợp bên A vi phạm hợp đồng này, quá thời hạn quy định theo điều 4.1 mà bên A vẫn chưa ký hợp đồng mua bán với bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận này và bên A sẽ phải trả lại cho bên B toàn bộ số tiền đảm bảo bên B đã đóng cùng khoản phạt 20% trên tổng số tiền đảm bảo bên B đã nộp cho bên A…"*. Thỏa thuận này tuy bất lợi hơn so với việc khi bên B vi phạm thỏa thuận được nêu tại mục 5.2 Điều 5 của văn bản Thỏa thuận nêu trên. Tuy nhiên, quy định này là rõ ràng, không mập mờ gây nhằm lẫn, cần phải giải thích, nhưng khi bà V ký vào văn bản Thỏa thuận này thì đương nhiên là đã chấp nhận với điều khoản các bên đã cam kết và theo đó bắt buộc các bên phải thực hiện.

[3.3] Như vậy, khi bên A vi phạm thỏa thuận thì phải chịu phạt 20% trên tổng số tiền đảm bảo bên B đã nộp cho bên A. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính 20% trên tổng số tiền bên B đã nộp là 947.634.310 đồng và số tiền phạt vi phạm là 189.526.862 đồng là đúng thỏa thuận hai bên đã ký kết. Chính vì vậy, kháng cáo này của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà V về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả lãi chậm trả tính từ ngày 30/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/5/2024, số tiền là 123.192.460 đồng. Xét thấy, Thông qua 02 đoạn ghi âm do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện: Đoạn ghi âm thứ nhất vào ngày 23/9/2022, ông D tuyên bố ngừng thu tiền và đoạn ghi âm thứ hai vào ngày 20/6/2023, ông D hứa đến ngày 10/7/2023 trả

tiền cho bên B và các khoản tiền phạt và lãi cho bên B. Mặt khác, tại mục 4.1 Điều 4 của văn bản Thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán quy định: *"Hợp đồng mua bán dự kiến ký kết vào ngày 30/6/2023 với điều kiện bên B đã thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ, trách nhiệm, cam kết được nêu tại Thỏa thuận này. Các bên đồng ý rằng, thời gian ký kết hợp đồng mua bán có thể sớm hơn hoặc muộn hơn không quá 03 tháng so với thời hạn dự kiến ký kết nêu tại khoản này (sau đây gọi là ngày ký kết hợp đồng mua bán)"*. Như vậy, các bên đều biết rõ hợp đồng mua bán không thể ký kết được và thời hạn cuối cùng là vào ngày 30/9/2023, nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà nguyên đơn đã nộp và tiền phạt vi phạm, nên đã làm phát sinh nghĩa vụ chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, kháng cáo này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tiền lãi chậm trả được tính trên số tiền chậm trả là 1.137.161.172 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 07 tháng 24 ngày = 73.619.816 đồng.

[5] Từ những nhận định tại mục [3] và [4] nêu trên, thấy rằng kháng cáo của bà V là không có căn cứ chấp nhận đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng là 758.107.448 đồng và tiền lãi chậm trả vượt quy định số tiền 49.572.644 đồng; có căn cứ chấp nhận đối với lãi chậm trả số tiền là 73.619.816 đồng; HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị trả trả số tiền đã nhận là 947.634.310 đồng, số tiền phạt vi phạm là 189.526.862 đồng và số tiền lãi chậm trả là 73.619.816 đồng. Tổng cộng là 1.210.780.988 đồng và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền phạt vi phạm là 758.107.448 đồng và tiền lãi chậm trả là 49.572.644 đồng. Tổng cộng số tiền 831.727.264 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể như sau: Do yêu cầu khởi kiện của bà V không được chấp nhận một phần đối với số tiền 831.727.264 đồng, nên bà V phải chịu án phí số tiền 36.951.817 đồng (36.000.000 + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng). Do Công ty P có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 1.210.780.988 đồng, nên phải chịu án phí số tiền 48.323.429 đồng (36.000.000 + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị sửa có liên quan đến yêu cầu kháng cáo của bà V, nên bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho ông Hòa tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với tiền phạt vi phạm hợp đồng và chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với tiền lãi chậm trả là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bợ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Tường V.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp thỏa thuận về tiến độ và điều kiện thực hiện hợp đồng mua bán của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tường V về việc:

- Hủy văn bản thỏa thuận về tiến độ và thực hiện hợp đồng mua bán số: G10/TTHĐMB-TTP/2022, ngày 25/7/2022 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn P với bà Trần Thị Tường V.

- Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tường V số tiền đã nhận là 947.634.310 đồng, số tiền phạt vi phạm là 189.526.862 đồng và số tiền lãi chậm trả là 73.619.816 đồng. Tổng cộng là 1.210.780.988 đồng (Một tỷ hai trăm mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với với tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tường V về việc: Yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Tường V số tiền phạt vi phạm là 758.107.448 đồng và tiền lãi chậm trả là 49.572.644 đồng. Tổng cộng số tiền 831.727.264 đồng (Tám trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Tường V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 36.951.817 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm mười bảy đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 34.729.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0001212, ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, nên bà Trần Thị Tường V còn phải nộp thêm số tiền 2.222.817 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm mười bảy đồng).

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 48.323.429 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Tường V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Tường V số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001839, ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn